TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST
Ngày: 31-5-2022
V/v "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ;

2. Ông Trần Thành Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2022/TLST-DS, ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2022/QĐXXST-DS ngày 11/5/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Thùy D, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Cư trú: Tổ A, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà D là ông Phạm Thái B, sinh năm 1971, văn bản ủy quyền ngày 14/01/2022 (có mặt).

Cư trú: Ấp H, thị trấn A, huyện C, An Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Anh Đặng Hoàng D1, sinh năm 1971 (có mặt);

2.2. Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1973 (có mặt);

Cùng trú: Tổ B, ấp C, xã C, huyện C, An Giang.

3. Người làm chứng:

3.1. Anh Châu Minh T1, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Cư trú: Tổ A, ấp M, xã M, huyện C, An Giang.

3.2. Bà Nguyễn Thị Phương T2, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Cư trú: Tổ G, ấp V, xã V, huyện C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai ngày 14/01/2022 và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lâm Thị Thùy D do anh Phạm Thái B làm đại diện trình bày*:

Do quan hệ bà con nên chị D có cho vợ chồng anh D1 chị T vay 03 lần tiền, mục đích vay là để làm ăn mua bán, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 20/01/2017 (âl) vay số tiền 100.000.000 đồng;

- Lần thứ hai: Ngày 28/5/2017 (âl) vay tiếp số tiền 100.000.000 đồng;

- Lần thứ ba: Ngày 23/8/2017 (âl) vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng;

Các lần vay đều thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng, thời hạn vay là khi nào chị D cần thu hồi lại vốn thì chị D sẽ báo cho vợ chồng anh D1 chị T trước một tháng.

Đến ngày 23/8/2017 chị T anh D1 viết biên nhận gộp 03 lần vay, tổng cộng số tiền là 250.000.000 đồng. Về phần lãi suất, trong năm 2017, 2018 vợ chồng chị T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, đến năm 2019 và 2020 chị T trả lãi không đúng 4%/tháng, thỉnh thoảng gửi trả lãi được 2.000.000 đồng, bắt đầu năm 2021 đến nay vợ chồng chị T ngưng không đóng lãi nữa. Chị D có yêu cầu vợ chồng chị T trả lại số tiền vốn gốc thì chị T hứa bán đất trả, nhưng sau nhiều lần hẹn cũng không thực hiện nghĩa vụ. Do vậy, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Đặng Hoàng D1 và Nguyễn Thị Phương T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền 250.000.000 đồng và lãi suất theo quy định tính từ đầu tháng 01/2021 cho đến ngày Tòa án xét xử.

Quá trình vay nợ, bị đơn có chuyển tiền vào tài khoản của chị D để đóng tiền lãi, tổng cộng là 108.000.000 đồng, sau đó chị T có chuyển thêm 17.500.000 đồng để đóng lãi. Hiện tại, bị đơn vẫn còn nợ số tiền gốc là 250.000.000 đồng.

Nay nguyên đơn đồng ý điều chỉnh lại số tiền lãi mà bị đơn đã đóng tổng cộng là 125.500.000 đồng theo quy định pháp luật. Ngoài ra, chị T không có nhận bất cứ số tiền mặt nào từ vợ chồng bị đơn, vẫn giữ nguyên yêu cầu anh D1 và chị T liên đới trả số tiền 250.000.000 đồng và lãi suất theo quy đinh.

** Theo bản khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, vợ chồng bị đơn anh Đặng Hoàng D1 và Nguyễn Thị Phương T cùng trình bày:*

Vợ chồng anh D1 chị T thống nhất với nội dung trình bày của nguyên đơn về thời gian vay, vợ chồng anh có vay của chị T nhiều lần tiền, đến ngày 23/8/2017 có viết biên nhận nợ chị D tổng cộng là 250.000.000 đồng và lãi suất 4%/tháng, chữ viết tại biên nhận là do chính chị T viết. Nhưng anh chị đã chuyển trả nhiều lần tiền vào tài khoản cá nhân của chị D thông qua ngân hàng A để trừ vào số tiền gốc, cụ thể:

- Ngày 20/3/2017 chuyển số tiền là 4.000.000 đồng;

- Ngày 20/5/2017 chuyển số tiền là 4.000.000 đồng;

- Ngày 19/9/2017 chuyển số tiền là 14.000.000 đồng;

- Biên nhận chuyển tiền không đề ngày, chuyển số tiền 30.000.000 đồng;

- Ngày 30/11/2017 chuyển số tiền là 16.000.000 đồng;

- Ngày 23/01/2019 chuyển số tiền là 20.000.000 đồng;

- Ngày 17/4/2019 chuyển số tiền là 20.000.000 đồng;

Quá trình giải quyết vụ án, chị T có giao nộp bổ sung thêm hai Giấy yêu cầu chuyển tiền trong nước đề ngày 23/8/2017, chuyển số tiền 8.000.000 đồng và Giấy đề ngày 05/4/2020, chuyển số tiền 9.500.000 đồng nội dung đều do Nguyễn Thị Phương T chuyển cho Lâm Thị Thùy D. Như vậy, tổng số tiền anh chị đã chuyển khoản để trả nợ gốc là 125.500.000 đồng, hiện còn nợ chị D 124.500.000 đồng nên chỉ đồng ý trả số tiền 124.500.000 đồng cho chị D.

Anh chị đã đóng lãi cho chị D trong năm 2017 đến 2020 đầy đủ, khi đóng thì vợ chồng anh chị đã đưa trực tiếp cho mẹ ruột của D là bà Nguyễn Thị Phương T2. Đến năm 2021 anh chị đóng lãi thêm cho chị D, lúc này chị đưa trực tiếp cho chồng chị D là Châu Minh T1, số tiền 17.000.000 đồng, còn ngày tháng cụ thể thì anh chị không nhớ rõ, các lần đưa tiền đều không ai chứng kiến và cũng không có làm biên nhận.

Đối với số nợ 125.500.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng anh chị xin chị D cho trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, đồng thời yêu cầu miễn lãi đối với số nợ còn lại.

** Tại các Biên bản ghi lời khai, người làm chứng anh Châu Minh T1 và bà Nguyễn Thị Phương T2 cùng trình bày:*

Anh T3 và bà T2 không biết gì về việc tranh chấp đối với số nợ vay giữa các bên, anh T3 và bà T2 hoàn toàn không có nhận bất cứ tiền gì từ chị T và anh D1 như chị T đã trình bày.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu vợ chồng anh D1 chị T phải trả cho chị D số tiền 250.000.000 đồng, rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi, cụ thể: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn là vợ chồng anh D1 chị T trả lãi theo quy định pháp luật từ tháng 01/2021 đến ngày xét xử, đồng ý điều chỉnh lại phần lãi suất theo quy định.

- Bị đơn: Bị đơn đã chuyển trả 125.500.000 đồng, thừa nhận chỉ còn nợ số tiền 124.500.000 đồng, vợ chồng anh chị xin chị D cho trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, đồng thời yêu cầu miễn tiền lãi đối với số nợ.

Người làm chứng: Anh T3 và bà T2 đều vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ *Về tố tụng:* Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Do bị đơn anh Đặng Hoàng D1 và chị Nguyễn Thị Phương T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn chị Lâm Thị Thùy D khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ và lãi suất theo quy định là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa: đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi từ tháng 01/2021 đến ngày xét xử là hoàn toàn tự nguyện, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh D1 và chị T có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi. Anh Dũng chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lâm Thị Thùy D yêu cầu anh Đặng Hoàng D1 và chị Nguyễn Thị Phương T cùng liên đới trả số tiền còn nợ là 250.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay, anh D1 và chị T có nơi cư trú tại ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự, cụ thể là hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[2] Thủ tục ủy quyền: Nguyên đơn chị Lâm Thị Thùy D ủy quyền cho anh Phạm Thái B tham gia tố tụng, văn bản ủy quyền hợp lệ nên được chấp nhận.

[3] Về sự vắng mặt tại phiên tòa: Đối với người làm chứng anh Châu Minh T1 và bà Nguyễn Thị Phương T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tại hồ sơ đã có biên bản ghi lời khai đối với anh T1 và bà T2, do đó việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ vào Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào Biên nhận nợ được lập vào ngày 23/8/2017 thể hiện anh Đặng Hoàng D1 và chị Nguyễn Thị Phương T có vay mượn của chị Lâm Thị Thùy D số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất là 4%/tháng, thỏa thuận khi nào chị D cần thu hồi vốn thì sẽ báo cho vợ chồng anh D1 chị T trước một tháng. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn với bị đơn có xác lập hợp đồng vay tài sản với tổng số tiền vay là 250.000.000 đồng. Xét hình thức và nội dung của Biên nhận vay tiền xuất phát từ sự tự nguyện và không trái quy định của pháp luật, việc vay mượn đều được các bên thừa nhận nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ theo luật định. Theo thỏa thuận, anh D1 chị T nghĩa vụ trả lại cho chị D số 250.000.000

đồng và lãi suất, nhưng bi đơn đã không thực hiện, bị đơn thừa nhận chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền 124.500.000 đồng, vì cho rằng đã thanh toán được 125.500.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn, không còn khả năng trả nợ nên xin được trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng và yêu cầu được miễn tiền lãi đối với số nợ trên.

Xét thấy, thỏa thuận vay nợ giữa các bên là thực tế có xảy ra, bị đơn đã thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng là 250.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng bị đơn thừa nhận chỉ còn nợ 124.500.000 đồng, bị đơn có cung cấp chứng từ thể hiện việc chuyển tiền vào tài khoản của nguyên đơn tổng cộng là 125.500.000 đồng nhằm trả tiền nợ gốc. Đồng thời anh chị đã đưa tiền mặt cho anh T1 và bà T2 là 17.000.000 đồng để đóng lãi. Phía nguyên đơn thừa nhận có nhận số tiền 125.500.000 đồng do bị đơn chị T chuyển vào tài khoản cá nhân, nhưng khẳng định số tiền này là tiền mà bị đơn đóng lãi theo thỏa thuận. Việc bị đơn nại rằng có đóng tiền lãi cho anh T1, bà T2 đều không được nguyên đơn và các nhân chứng thừa nhận (BL 43, 45).

Tòa án đã tiến hành phiên đối chất để các bên làm rõ vấn đề còn mâu thuẫn, nhưng tại phiên đối chất, bị đơn anh D1 vắng mặt, riêng chị T đã tự ý bỏ về, không tiếp tục tham gia phiên đối chất. Như vậy bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử xem xét các chứng cứ theo quy định.

Ngoài chứng cứ chị T đã cung cấp, thì chị không còn chứng cứ nào khác chứng minh việc đã thanh toán số tiền gốc và cũng không chứng cứ nào khác chứng minh việc chị đã đóng số tiền lãi là 17.000.000 đồng.

Mặt khác, việc vi phạm nghĩa vụ của chị T và anh D1 đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị D, do đó, việc chị D yêu cầu bị đơn anh D1 chị T phải trả một lần số tiền vốn vay 250.000.000 đồng và lãi suất là có cơ sở, căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, buộc chị T và anh D1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị D số tiền 250.000.000 đồng và lãi suất theo quy định.

Xét về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Trong Đơn khởi kiện ngày 14/01/2022 và trong quá trình hòa giải chị D có yêu cầu anh D1 chị T phải trả lãi theo quy định pháp luật từ tháng 01/2021 cho đến ngày xét xử. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, anh B là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi suất nêu trên. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu về tính lãi suất của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất 4%/tháng là đã vượt quá lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, cần điều chỉnh phần lãi suất cho phù hợp.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý điều chỉnh lại phần lãi suất do bị đơn đã đóng từ ngày viết biên nhận là ngày 23/8/2017 (âl) đến ngày bị đơn đóng lãi sau cùng là ngày 05/4/2020, nguyên đơn yêu cầu tính tròn thời

gian, việc này hoàn toàn có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận: Từ ngày 23/8/2017 đến 05/4/2020, làm tròn là: 02 năm 08 tháng = 970 ngày.

- Lãi suất ngày là 20/%: 365ngày = 0,0005479 đồng/ngày

- Số tiền lãi phải trả là:

250.000.000đồng x 0,0005479 đồng/ngày x 970 ngày = 132.865.000 đồng;

- Số tiền gốc bị đơn đã vay là: 250.000.000đồng;

- Tổng số tiền gốc và lãi là:

250.000.000đồng + 132.865.000 đồng = 382.865.000 đồng.

- Số tiền bị đơn đã trả là 125.500.000 đồng;

- Tổng số tiền còn lại mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là:

382.865.000 đồng - 125.500.000 đồng = 257.365.000 đồng.

Như vậy, bị đơn anh Đặng Hoàng D1 và chị Nguyễn Thị Phương T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lâm Thị Thùy D số tiền còn nợ là 257.365.000 đồng.

Bị đơn anh D1 và chị T yêu cầu nguyên đơn cho trả dần số tiền đã nợ nhưng phía chị D không đồng ý nên Hội đồng xét xử không thể chấp nhận theo yêu cầu của bị đơn, tuy nhiên các đương sự được thỏa thuận cách trả nợ khi có quyết định của cơ quan Thi hành án.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của chị D được chấp nhận nên chị không phải chịu án phí, anh D1 và chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92; Điều 147, Điều 179, Điều 229, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466 và Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Thùy D.

Buộc anh Đặng Hoàng D1 và chị Nguyễn Thị Phương T phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị Lâm Thị Thùy D số tiền là 257.365.000 đồng *(Hai trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi năm ngàn đồng).*

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Thùy D đối với anh Đặng Hoàng D1 và chị Nguyễn Thị Phương T về yêu cầu tính lãi.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc anh Đặng Hoàng D1 và chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu 12.868.000 đồng *(Mười hai triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Lâm Thị Thùy D không phải chịu án phí nên được hoàn lại 6.250.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 0002889 ngày 15/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/5/2022) để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND.Châu Thành;
- Chi cục THADS.Châu Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Hà Thị Mỹ Linh